

THÔNG BÁO

V/v tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2022

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1315/QĐ-ĐHK-TĐTSDH ngày 19/5/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2022 gồm những nội dung sau:

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh nhằm đào tạo những nhà khoa học, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quản lý và luật học có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát triển và giải quyết những vấn đề mới trong khoa học kinh tế và luật học, có khả năng giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên môn.

2. Thời gian, hình thức và ngôn ngữ đào tạo

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh đến khi hoàn thành thủ tục và nộp luận án cho quy trình phản biện độc lập) là 04 năm. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu theo kế hoạch. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng.

Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy, viết và bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Giảng viên của Trường có đủ khả năng giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh bằng tiếng Anh. Trường khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh. Việc lựa chọn viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh tùy thuộc năng lực cá nhân của nghiên cứu sinh.

Các yêu cầu đối với luận án tiến sĩ và điều kiện để bảo vệ luận án tuân thủ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 2 năm 2022 của Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh là 50 nghiên cứu sinh. Chỉ tiêu đào tạo cho mỗi ngành được Hội đồng tuyển sinh trình độ tiến sĩ quyết định dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ngành và năng lực đào tạo các ngành của Trường.

4. Ngành đào tạo:

- Kinh tế chính trị, Mã số: 9310102
- Kinh tế phát triển, Mã số: 9310105
- Quản trị nhân lực, Mã số: 9340404
- Quản lý kinh tế, Mã số: 9340410
- Tài chính - Ngân hàng, Mã số: 9340201

(Có các chuyên ngành: Tài chính, Tài chính công, Ngân hàng).

- Quản trị kinh doanh, Mã số: 9340101
- Kinh doanh thương mại, Mã số: 9340121
- Kế toán, Mã số: 9340301
- Thống kê, Mã số: 9460201
- Luật kinh tế, Mã số: 9380107

5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển nghiên cứu sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

5.1. Về văn bằng:

Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ ngành phù hợp hoặc bằng đại học loại giỏi trở lên ngành phù hợp theo danh mục tại bảng dưới đây:

STT	NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	Mã ngành	THẠC SĨ (Ngành đúng và ngành phù hợp)	Mã ngành
I.	Khoa học xã hội và hành vi Kinh tế học	931	Khoa học xã hội và hành vi	831
		93101	Kinh tế học	83101
1.	Kinh tế chính trị	9310102	Kinh tế	8310101
2.	Kinh tế phát triển	9310105	Kinh tế chính trị	8310102
3.	Quản lý kinh tế	9340410	Kinh tế đầu tư	8310104
			Kinh tế phát triển	8310105
			Kinh tế quốc tế	8310106
			Quản lý kinh tế	8340410
II.	Kinh doanh và quản lý Kinh doanh	934	Kinh doanh và quản lý	834
		93401	Kinh doanh	83401
4.	Quản trị kinh doanh	9340101	Quản trị kinh doanh	8340101
5.	Kinh doanh thương mại	9340121	Kinh doanh thương mại	8340121
			Marketing	8340115
			Kinh doanh quốc tế	8340120
			Thương mại điện tử	8340122
			Bất động sản	8340116
			Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	8510605
	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	93402	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	83402
6.	Tài chính - Ngân hàng	9340201	Tài chính - Ngân hàng	8340201
			Bảo hiểm	8340204

STT	NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	Mã ngành	THẠC SĨ (Ngành đúng và ngành phù hợp)	Mã ngành
7.	Kế toán - Kiểm toán Kế toán	93403 9340301	Kế toán - Kiểm toán Kế toán Kiểm toán	83403 8340301 8340302
8.	Quản trị - Quản lý Quản trị nhân lực	93404 9340404	Quản trị - Quản lý Khoa học quản lý Chính sách công Quản lý công Quản trị nhân lực Hệ thống thông tin quản lý	83404 8340401 8340402 8340403 8340404 8340405
III.	Toán và thống kê	946	Toán và thống kê	846
9.	Toán học Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	94601 9460106	Toán học Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	84601 8460106
10.	Thống kê Thống kê	94602 9460201	Thống kê Thống kê Công nghệ kỹ thuật Quản lý công nghiệp Quản lý công nghiệp Nông, lâm nghiệp và thủy sản Nông nghiệp Kinh tế nông nghiệp	84602 8460201 851 85106 8510601 862 86201 8620115
IV.	Pháp luật	938	Pháp luật	838
11.	Luật Luật kinh tế	93801 9380107	Luật Luật Luật hiến pháp và luật hành chính Luật dân sự và tố tụng dân sự Luật kinh tế Luật quốc tế	83801 8380101 8380102 8380103 8380107 8380108
V.	Kinh tế chính trị (Gồm các ngành thuộc khối “Kinh tế”, “Kinh doanh và quản lý”)	9310102	Khoa học chính trị Chính trị học Triết học Chủ nghĩa xã hội khoa học Giáo dục chính trị Quản lý nhà nước	83102 8310201 8229001 8229008
VI.	Quản lý kinh tế (Gồm các ngành thuộc khối “Kinh tế”, “Kinh doanh và quản lý”)	9310110	Quản lý nhà nước Quản lý hành chính Hành chính Hành chính nhà nước Quản lý đô thị	

5.2. *Có năng lực nghiên cứu khoa học*, được minh chứng bằng một trong những điều kiện sau:

- a) Luận văn thạc sĩ chương trình đào tạo thạc sĩ hướng nghiên cứu.

b) Hợp đồng làm việc hoặc Giấy xác nhận là giảng viên, nghiên cứu viên có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên của các cơ sở đào tạo đại học hoặc cao đẳng, tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện được xuất bản.

5.3. Có đủ năng lực ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án, thể hiện ở một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ, tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có chứng chỉ trình độ tiếng nước ngoài tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (theo bảng tham chiếu dưới đây) trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển:

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác (xem xét cụ thể từng trường hợp)	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

d) Người dự tuyển vào chương trình tiếng Việt là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

6. Hồ sơ dự tuyển

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu).

b) Lý lịch khoa học có dán ảnh cá nhân (theo mẫu) được đơn vị công tác hoặc cơ quan có thẩm quyền xác nhận, đóng dấu.

c) Một bản sao công chứng của các loại giấy tờ sau: Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học; Bằng và bảng điểm thạc sĩ; Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ/Chứng chỉ ngoại ngữ.

d) Một trong những minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu: 5 bản sao luận văn thạc sĩ hướng nghiên cứu đã tốt nghiệp; 5 bản sao bài báo đăng trên tạp chí khoa học/báo cáo khoa học tại hội thảo (gồm trang bìa, trang mục lục, toàn nội dung bài báo/báo cáo) đáp ứng quy định tại điểm c khoản 5.2 mục 5 trên đây và văn bản đồng ý cho sử dụng bài của đồng tác giả (nếu có đồng tác giả); Hợp đồng làm việc hoặc văn bản của cơ sở đào tạo/tổ chức khoa học công nghệ xác nhận là giảng viên, nghiên cứu viên có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên.

e) Đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu (*theo mẫu*).

f) 02 ảnh 4x6 của người dự tuyển ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh phía sau ảnh.

Trường hợp các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng giáo dục (thông tin về đăng ký công nhận văn bằng do nước ngoài cấp xem tại <https://naric.edu.vn/huong-dan-quy-trinh-cnvb-co-so-giao-duc.html>).

7. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Đánh giá người dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo thang điểm 100, bao gồm đánh giá hồ sơ dự tuyển (40 điểm); đánh giá đề cương nghiên cứu (20 điểm) và phỏng vấn (40 điểm). Người dự tuyển được xếp loại đạt và đưa vào xét tuyển nếu phần hồ sơ đạt từ 20 điểm trở lên; phần đề cương nghiên cứu đạt từ 10 điểm trở lên và phần phỏng vấn đạt từ 20 điểm trở lên.

7.1. Đánh giá hồ sơ dự tuyển, bao gồm các nội dung:

a) Văn bằng và kết quả đào tạo: Đánh giá văn bằng dựa trên uy tín của cơ sở đào tạo và kết quả học tập của người dự tuyển tại các bậc đại học và thạc sĩ.

b) Bài báo hoặc báo cáo khoa học: được đánh giá dựa trên mức độ uy tín của tạp chí hoặc hội nghị, hội thảo khoa học, sự phù hợp của bài báo với hướng nghiên cứu và chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển, chất lượng bài viết...

Chất lượng của luận văn thạc sĩ hướng nghiên cứu đã tốt nghiệp của người dự tuyển.

Kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy của người dự tuyển và uy tín của cơ sở đào tạo/tổ chức khoa học đang công tác.

c) Trình độ ngoại ngữ.

7.2. *Đánh giá đề cương nghiên cứu:*

Chất lượng đề cương nghiên cứu: Được đánh giá dựa trên sự thuyết phục trong cách thức người dự tuyển đặt vấn đề nghiên cứu; mức độ sâu sắc và bao quát của phần tổng quan các lý thuyết và nghiên cứu có liên quan; tính khoa học của các phân mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu (rõ ràng), phương pháp nghiên cứu dự kiến (phù hợp), kế hoạch nghiên cứu (khả thi); sự trình bày chặt chẽ, logic và thuyết phục ở các nội dung khác...

7.3. *Phỏng vấn:* Người dự tuyển trình bày về đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu, thực hiện luận án trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Các thành viên tiểu ban chuyên môn sẽ đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá người dự tuyển về các mặt:

- Kiến thức: Mức độ nắm vững kiến thức ngành đăng ký dự tuyển; mức độ làm chủ dự định nghiên cứu, mức độ hiểu biết về bản chất vấn đề dự định nghiên cứu; sự am hiểu về yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, kiến thức và kỹ năng nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, các công cụ nghiên cứu trong ngành...

- Khả năng triển khai thực hiện nghiên cứu: Kế hoạch học tập và triển khai nghiên cứu nếu trúng tuyển, lý giải điểm mạnh, điểm yếu và sự chuẩn bị chung của người dự tuyển.

- Tư chất cần có của một nghiên cứu sinh: Bao gồm năng lực nghiên cứu khoa học (khả năng phân tích, tổng hợp, cách diễn đạt chặt chẽ, logic...); thái độ (động cơ, sự chín chắn, tự tin, quyết tâm theo đuổi chương trình học tập và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ); tư duy phản biện và các phẩm chất khác (sự ham hiểu biết, tính sáng tạo, kỷ luật, tính trung thực, khả năng tổ chức sắp xếp công việc, khả năng nghiên cứu độc lập và tổ chức nhóm nghiên cứu, tính kiên định).

8. Học phí, lệ phí xét tuyển:

Lệ phí dự tuyển: 1.650.000 đồng.

Hồ sơ dự thi đầu vào: 120.000 đồng

Mức học phí đào tạo tiến sĩ đang áp dụng trong năm 2022 là 28.187.500 đồng/học kỳ.

9. Thời gian tuyển sinh:

Thời gian đăng thông báo tuyển sinh: tháng 11/2022.

Thời gian nộp hồ sơ dự tuyển: từ ngày 15/12/2022 đến hết ngày 23/12/2022 trong giờ hành chính.

Kỳ xét tuyển nghiên cứu sinh đợt 2 năm 2022 dự kiến tổ chức vào đầu tháng 01/2023.

Thời gian công bố kết quả tuyển sinh: đầu tháng 02/2023.

Thời gian khai giảng và gửi giấy báo nhập học: cuối tháng 02/2023.

Kết quả xét tuyển được đăng trên website của Viện Đào tạo Sau đại học: www.sdh.ueh.edu.vn và gửi qua email của người dự tuyển.

Địa điểm nộp hồ sơ: Viện Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
số 59^C Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 38235277 (ext 23) - 38295437

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Portal UEH;
- Website VSDH;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG


GS.TS. Sử Đình Thành